



T&D ALUMINIUM

HỒ SƠ CÔNG BỐ

CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT

MỤC LỤC

Chứng nhận đạt tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015	1
Chứng nhận đạt tiêu chuẩn TCVN 16:2019/BXD	3
Danh mục sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile đăng ký hợp quy	5
Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu "T&D ALUMINIUM"	10
Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu "TDA"	12
Báo cáo thử nghiệm XTEST: Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm (6063) - ký hiệu mẫu: TD1	14
Báo cáo thử nghiệm XTEST: Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm (6061) - ký hiệu mẫu: TD2	15
Báo cáo thử nghiệm XTEST: Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm (6005) - ký hiệu mẫu: TD3	16
Báo cáo thử nghiệm XTEST: Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm (6063) - ký hiệu mẫu: TD4	17
Kết quả thử nghiệm QUATEST: Phôi 6063 - TDA - XINGFA - C3328 (2.0)	18
Kết quả thử nghiệm QUATEST: Phôi 6005 - NLMT 01	21
Kết quả thử nghiệm QUATEST: Phôi 6063 - AS7052 - HỆ CỬA 700	24
Kết quả thử nghiệm QUATEST: Phôi 6061 - GERNIUM - C3332 (2.0)	27
Kết quả thử nghiệm QUATEST: Phôi 6063 - TDA - XF - C3328 (1.4)	30
Chứng nhận bảo hành bột sơn AkzoNobel	33
Chứng nhận bảo hành bột sơn Jotun	34

TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN QUASTA CE



GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HT.001.21.24

Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng của:

CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT

Địa chỉ:

51/2 đường Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, P. An Bình, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Cho lĩnh vực hoạt động:

Sản xuất và kinh doanh Thanh nhôm định hình (profile) và hợp kim nhôm

Đã được đánh giá phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

TCVN ISO 9001:2015

Giấy chứng nhận có giá trị từ ngày **06/01/2021** đến ngày **05/01/2024**

Định kỳ hàng năm phải có Quyết định duy trì hiệu lực của giấy chứng nhận này đính kèm

Và được sử dụng dấu chứng nhận



CT HDCN TS Nguyễn Thanh Hiền



Giám đốc Lưu Anh Minh



TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
P301-Toà nhà Linh Trang, Số 1 Ngõ 6, phố Trần Quốc Hoàn, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 0243 791 8630 Fax: 0243 791 8631

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG(QUASTA-CE)

-----***-----

Số: 0116a/2022/QĐ-QUASTA-CE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, Ngày 10 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc duy trì giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-LHHVN ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam thành lập Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng;

- Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-LHHVN ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số: A-1209 ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số: 1563/TDC -HCHQ ngày 12 tháng 06 năm 2018 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

- Căn cứ qui trình đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001 của Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng;

- Căn cứ đề nghị của Phòng chứng nhận ngày 08/11/2022, kèm theo báo cáo đánh giá giám sát của đoàn chuyên gia đánh giá ngày 04/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Duy trì hiệu lực giấy chứng nhận số HT.001.21.24 Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015 với lĩnh vực hoạt động “Sản xuất và kinh doanh Thanh nhôm định hình (profile) và hợp kim nhôm” cho Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt, địa chỉ: 51/2 đường Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, P. An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điều 2: Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày 05/01/2024

Điều 3: Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt được phép sử dụng dấu chứng nhận do Quasta-Ce cấp./.

Nơi nhận:

- Tổ chức được chứng nhận;
- Các bộ phận của QUASTA-CE;
- Lưu VP



TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN QUASTA CE



GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: 001.21.00

Chứng nhận sản phẩm:

HỢP KIM NHÔM DẠNG PROFILE

Kiểu loại: Phụ lục kèm theo

Nhãn hiệu:



Được sản xuất tại:

CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT

Địa chỉ:

51/2 đường Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, P. An Bình, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

QCVN 16:2019/BXD

Phương thức chứng nhận: **Phương thức 5**

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận có giá trị từ ngày **06/01/2021** đến ngày **05/01/2024**

Định kỳ hàng năm phải có Quyết định duy trì hiệu lực của giấy chứng nhận này đính kèm

Và được sử dụng dấu chứng nhận

CT HĐCN TS Nguyễn Thanh Hiền



Giám đốc Lưu Anh Minh



TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
P301-Toà nhà Linh Trang, Số 1 Ngõ 6, phố Trần Quốc Hoàn, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 0243 791 8630 Fax: 0243 791 8631

**TRUNG TÂM ỨNG DỤNG
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG(QUASTA-CE)**

Số: 0116b/2022/QĐ-QUASTA-CE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 10 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc duy trì giấy chứng nhận giấy chứng nhận Sản phẩm phù hợp quy chuẩn

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-LHHVN ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc thành lập Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng;

- Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-LHHVN ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số: A-1209 ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Căn cứ Quyết định số 1125/QĐ-BXD ngày 24/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chỉ định Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng đánh giá chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2019/BXD;

- Căn cứ qui trình đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn của Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng;

- Căn cứ đề nghị của Phòng chứng nhận ngày 08/11/2022, kèm theo báo cáo đánh giá của đoàn chuyên gia đánh giá ngày 04/11/2022 và kết quả thử nghiệm ngày 06/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Duy trì giấy chứng nhận số 001.21.00 cho sản phẩm “Hợp kim nhôm dạng profile”, kiểu loại: (danh mục kèm theo) phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD do Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt sản xuất (địa chỉ: 51/2 đường Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, P. An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam).

Điều 2: Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày 05/01/2024.

Điều 3: Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy do Quasta-Ce cấp và Công ty phải thực hiện các quy định có liên quan trong Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN/.

Nơi nhận:

- Tổ chức được chứng nhận;
- Các bộ phận của QUASTA-CE;
- Lưu VP



DANH MỤC SẢN PHẨM HỢP KIM NHÔM DẠNG PROFILE ĐĂNG KÝ HỢP QUY

DANH MỤC SẢN PHẨM HỢP KIM NHÔM DẠNG PROFILE ĐĂNG KÝ HỢP QUY
(Kèm theo quyết định số....)

STT	Mã sản phẩm	Mặt cắt	Kích thước (WxH)mm	Độ dày (mm)	STT	Mã sản phẩm	Mặt cắt	Kích thước (WxH)mm	Độ dày (mm)
* NHÔM XINGFA 6063 - T5					* NHÔM XINGFA 6063 - T5				
1	XF-C3286(1)		31.49 X 23.5	1.00	105	XF-D1546A(2)		33.7 X 62	2.00
2	XF-C3295(1)		37.3 X 23.5	1.00	106	XF-D1547A(2)		50 X 39.2	2.00
3	XF-C3296(1)		30.8 X 23.5	1.00	107	XF-D1548A(2)		39.5 X 23.3	2.00
4	XF-C3300(2)		55 X 10.33	2.00	108	XF-D1549A(2)		98 X 21.3	2.00
5	XF-C3300A(2)		55 X 6.17	2.00	109	XF-D1555A(2)		28.9 X 71.5	2.00
6	XF-C3303(2)		87 X 54.8	2.00	110	XF-D1559(2)		93.4 X 38.8	2.00
7	XF-C3303KG(2)		87 X 54.8	2.00	111	XF-D1578(2)		94 X 20.65	2.00
8	XF-C3304(2)		138 X 54.5	2.00	112	XF-D1942(2)		93.4 X 40	2.00
9	XF-C3304KG(2)		138 X 54.5	2.00	113	XF-D1942A(2)		93.45 X 25.5	2.00
10	XF-C3310		101.3 X 39	1.50	114	XF-D2618(2)		50.61 X 92.4	2.00
11	XF-C3323A(1.4)		50 X 57.2	1.40	115	XF-D1541A(1.4)		93.4 X 40	1.40
12	XF-C3326 T2.2		59.26 X 55	2.20	116	XF-D1543A(1.4)		96.4 X 34	1.40
13	XF-C3328(2)		54.8 X 66	2.00	117	XF-D1544A(1.2)		28.9 X 50	1.20
14	XF-C3329A(1.5)		40.7 X 29.9	1.50	118	XF-D1545A(1.2)		28.9 X 61.5	1.20
15	XF-C3329(1.5)		40.7 X 21.5	1.50	119	XF-D1546A(1.2)		33.7 X 62	1.20
16	XF-C3332(2)		87 X 54.8	2.00	120	XF-D1547A(1.2)		50 X 39.2	1.20
17	XF-C3332KG(2)		87 X 54.8	2.00	121	XF-D1548A(1.2)		39.5 X 23.3	1.20
18	XF-C459(2.3)		19 X 4.3	2.30	122	XF-D1549A(1.2)		98 X 21.3	1.20
19	XF-E192(1.1)		72 X 9.6	1.10	123	XF-D1555A(1.2)		28.9 X 71.5	1.20
20	XF-E1283		47.8 X 21.8	1.20	124	XF-D1559(1.2)		93.4 X 38.8	1.20
21	XF-C3295(0.8)		37.25 X 23.5	0.80	125	XF-D1578(1.2)		94 X 20.65	1.20
22	XF-C3328(1.8)		54.8 X 66	1.80	126	XF-D1942(1.4)		93.4 X 40	1.40
23	XF-C3303(1.8)		87 X 54.8	1.80	127	XF-D1942A(1.4)		93.45 X 25.5	1.40
24	XF-C3332(1.8)		87 X 54.8	1.80	128	XF-D2618(1.2)		50.61 X 92.4	1.20
25	XF-C3328(1.4)		54.8 X 66	1.40	129	XF-D3211(2)		135 X 45.2	2.00
26	XF-C3303(1.4)		87 X 54.8	1.40	130	XF-D3212(2)		135 X 55.2	2.00
27	XF-C3303KG(1.4)		87 X 54.8	1.40	131	XF-D3212B(2)		135 X 25	2.00
28	XF-C3332(1.4)		87 X 54.8	1.40	132	XF-D3213(2)		138.8 X 35.3	2.00
29	XF-C3332KG(1.4)		87 X 54.8	1.40	133	XF-D26144(1.6)		71.6 X 28.9	1.60
30	XF-C3329A(1.4)		42 X 29.6	1.40	134	XF-D26146(1.6)		85 X 33.3	1.60
31	XF-C3303(1.3)		87 X 54.8	1.30	135	XF-D28127(1.6)		85 X 39.2	1.60
32	XF-C3328(1.3)		54.8 X 66	1.30	136	XF-MD001(1.5)		54.8 X 47.2	1.50
33	XF-C3332(1.3)		87 X 54.8	1.30	137	XF-MD002(1.5)		59.7 X 46.7	1.50
34	XF-C3328(1.2)		54.8 X 66	1.20	138	XF-MD651(2.5)		65 X 120	2.50
35	XF-C3303(1.2)		87 X 54.8	1.20	139	XF-MD652(2.5)		65 X 77	2.50
36	XF-C3303KG(1.2)		87 X 54.8	1.20	140	XF-MD652A(2.3)		65 X 65	2.30
37	XF-C3304(1.2)		138 X 54.5	1.20	141	XF-MD653(1.5)		65 X 26.5	1.50
38	XF-C3323A(1.2)		50 X 57.2	1.20	142	XF-MD654(2.3)		63.4 X 9.6	2.30
39	XF-C3329A(1.2)		42 X 29.6	1.20	143	XF-MD655(2.5)		100.53 X 99.98	2.50
40	XF-C3329(1.2)		40.7 X 21.5	1.20	144	XF-MD657(3.2)		55 X 59	3.20
41	XF-C3332(1.2)		87 X 54.8	1.20	145	XF-MD501(3)		114 X 56	3.00
42	XF-C3332KG(1.2)		87 X 54.8	1.20	146	XF-MD461(2.5)		80 X 65	2.50
43	XF-C3326(1.2)		58.99 X 55	1.20	147	XF-D5059		30.1 X 25.1	1.40
44	XF-C3303(1)		87 X 54.8	1.00	148	XF-D5060		55.4 X 25.1	1.10

45	XF-C3304(1)		138 X 54.5	1.00
46	XF-C3323A(1)		50 X 57.2	1.00
47	XF-C3328(1)		54.8 X 66	1.00
48	XF-C3332(1)		87 X 54.8	1.00
49	XF-C3329A(1)		40.7 X 29.9	1.00
50	XF-C3300(1)		55 X 10.33	1.00
51	XF-C3326(1)		58.98 X 55	1.00
52	XF-C3203(1.4)		68 X 54.8	1.40
53	XF-C3208(1.4)		50.8 X 50.6	1.40
54	XF-C3209(1.4)		54.8 X 50	1.40
55	XF-C3313(1.4)		75 X 54.8	1.40
56	XF-C3318(1.4)		54.8 X 50	1.40
57	XF-C8092(1.4)		54.8 X 76	1.40
58	XF-C8092KG(1.4)		54.8 X 76	1.40
59	XF-C3033(1.4)		51 X 52.4	1.40
60	XF-C3313B(1.3)		75 X 54.8	1.30
61	XF-C3313A(1.1)		54.8 X 75.2	1.10
62	XF-C3203(1.2)		68 X 54.8	1.20
63	XF-C3208(1.2)		50.8 X 50.6	1.20
64	XF-C3209(1.2)		54.8 X 50	1.20
65	XF-C3313(1.2)		75 X 54.8	1.20
66	XF-C3318(1.2)		54.8 X 50	1.20
67	XF-C8092(1.2)		54.8 X 76	1.20
68	XF-C8092KG(1.2)		54.8 X 76	1.20
69	XF-C3033(1.2)		51 X 52.4	1.20
70	XF-C3203(1)		68 X 54.8	1.00
71	XF-C3209(1)		54.8 X 50	1.00
72	XF-C3313(1)		75 X 54.8	1.00
73	XF-C3318(1)		54.8 X 50	1.00
74	XF-C8092(1)		54.8 X 76	1.00
75	XF5501(1.4)		55 X 46	1.40
76	XF5502(1.4)		70 X 30	1.40
77	XF5504(1.4)		34 X 22	1.40
78	XF5503(1.2)		34.2 X 47.5	1.20
79	XF5501(1.2)		55 X 46	1.20
80	XF5502(1.1)		70 X 30	1.10
81	XF5504(1.2)		34 X 22	1.20
82	XF-CT5507		21.6 X 22.2	1.70
83	XF-CT5502		74.5 X 30.9	2.00
84	XF-CT5501		54.8 X 50.7	2.00
85	XF-CT5506		15 X 6.9	1.50
86	XF-CT20526(1.4)		61.2 X 28.2	1.40
87	XF-CT20532(1.4)		54.8 X 46.6	1.40
88	XF-D23159		20.3 X 31.5	1.20
89	XF-CT20526(1.2)		61.2 X 28.2	1.20
90	XF-CT20527(1.2)		34.4 X 34	1.20
91	XF-CT20528(1.2)		24.3 X 20.7	1.20
92	XF-CT20532(1.2)		54.8 X 46.6	1.20

149	XF-D5061		52.2 X 45.1	1.20
150	XF-D5062		52 X 25.1	1.20
151	XF-C5409		45 X 29.2	2.00
152	XF-F520		25 X 23.4	1.20
153	XF-F521		23.6 X 26.6	1.00
154	XF-F523		50 X 74.6	1.50
155	XF-F606		58 X 56.6	1.50
156	XF-F607		58 X 56.6	1.50
157	XF-F608		54.55 X 53.8	1.75
158	XF-F2345		54.8 X 47.2	2.00
159	XF-F605		63.4 X 70.2	4.00
160	XF-C3206(1)		37.2 X 23.5	1.00
161	XF-C38010(2)		101.6 X 11.1	2.00
162	XF-C38019(2)		101.6 X 66.2	2.00
163	XF-C38019B(1.4)		132.8 X 65.9	1.40
164	XF-C38039(1.4)		101.6 X 50	1.40
165	XF-C38019(1.2)		101.6 X 66.2	1.20
166	XF-C38038(1.2)		100.7 X 50	1.20
167	XF-C38038B(1.2)		132.8 X 50	1.20
168	XF-C38303(1.4)		120.5 X 55.5	1.40
169	XF-PHAO-C38038(1.2)		100 X 50	1.20
170	XF-PHAO-C38038B(1.2)		132.8 X 50	1.20
171	XF-PHAO-C38019(1.4)		95.2 X 66	1.30
172	XF-PHAO-C38019B(1.4)		132.2 X 66	1.30
173	XF-C38313(1.4)		75 X 77.5	1.40
174	XF-PHAO-C38313(1.2)		110 X 75	1.20
175	XF-PHAO-C38313B(1.2)		74.8 X 45.8	1.20
176	XF-PHAO-001(1.3)		26.4 X 36.6	1.30
177	XF-PHAO-001B(1.2)		7.4 X 34.5	1.20
178	XF-PHAO-002(1)		39.6 X 40	1.00
179	XF-PHAO-003(1)		64.8 X 23.7	1.00
180	XF-C4332		108 X 10	1.00
181	XF-S13A		26.22 X 22.86	0.90
182	XF-5503A		33.1 X 20.1	1.00
183	XF-5302A		84.3 X 43	0.90
184	XF-5302B		55.3 X 43	1.00
185	XF-5403A		55.41 X 43	1.00
186	XF-5402		75 X 55	1.00
187	XF-5201A		90 X 43	1.00
188	XF-5301A		76 X 43	0.90
189	XF-P5101		55 X 56	0.90
190	XF-5503		39 X 18.7	1.00
191	XF-5601		54.9 X 42	1.00
192	XF-5602		70.2 X 28	1.00
193	XF-5603		31.6 X 36.7	1.00
194	NT-01		50 X 50.2	1.00
195	NT-02		25.5 X 25.5	1.00
196	NT-03		60.8 X 16	1.00

007
CÔ
CH NH
NI
TÊN
V-T

93	XF-CT20526(1.1)		61.2 X 28.2	1.10
94	XF-CT20532(1.1)		54.8 X 46.6	1.10
95	XF-CT20526(1)		61.2 X 28.2	1.00
96	XF-CT20527(1)		34.4 X 34	1.00
97	XF-CT20528(1)		24.3 X 20.7	1.00
98	XF-CT20532(1)		54.8 X 46.6	1.00
99	XF-C101A T0.9		18.2 X 16	0.90
100	XF-D1168 T0.9		18.3 X 16.85	0.90
101	XF-D1541A(2)		93.4 X 40	2.00
102	XF-D1543A(2)		98 X 34	2.00
103	XF-D1544A(2)		28.9 X 50	2.00
104	XF-D1545A(2)		28.9 X 61.5	2.00

*** NHÓM PHỔ THÔNG 6063 - T5**

208	AS051		70 X 31.7	0.85
209	AS052		70 X 34	0.87
210	AS053		71.76 X 22	0.84
211	AS054		21.9 X 25.4	0.85
212	AS055		54 X 21.9	0.85
213	AS056		34.7 X 28.5	0.84
214	AS057		31.7 X 25.4	0.84
215	AS058		69.6 X 6	0.84
216	AS126		31.7 X 21.7	0.84
217	A7002		70 X 41	0.96
218	A7005		70 X 49.4	1.01
219	A7006		70 X 54	0.87
220	A7051		75 X 25.4	0.85
221	A7052		50 X 30	1.08
222	A7053		62 X 35.5	0.85
223	A7054		100 X 25.4	0.97
224	A7008		70 X 54	0.84
225	A7011		76.2 X 49.4	0.84
226	A7012		76.2 X 37.4	0.84
227	A7019		76.2 X 37.4	0.84
228	A7109		70 X 35	0.85
229	A1001		101.6 X 69.9	1.12
230	A1002		101.6 X 44.5	1.11
231	A1002A		101.6 X 57.2	1.05
232	A1009		101.6 X 57.2	1.11
233	A1052		100 X 30	1.12
234	A1053		115 X 36.2	1.25
235	A4221		103 X 5.9	0.74
236	A4222		95 X 5	0.79
237	A4223		105.1 X 10	0.79
238	A4332		103.5 X 9.6	-
239	A4333		100 X 10	0.63
240	A9762		70 X 15	0.84
241	A9742		21 X 13.8	0.84
242	A9743A		17 X 6	1.00

197	NT-04		75 X 20	1.00
198	NT-05		38.2 X 16.9	1.00
199	NT-06		52.2 X 20	1.00
200	NT-07		50 X 16	1.00
201	NT-08		105 X 16	1.00
202	NT-09		86.95 X 9.73	0.80
203	NT-10		70.3 X 92.2	1.00
204	NT-11		95.1 X 8	0.50
205	NT-12		45 X 45	1.00
206	NT-13		18.5 X 16	1.00
207	NT-14		50 X 50.2	

*** NHÓM PHỔ THÔNG 6063 - T5**

312	AS7622		76 X 34.8	1.05
313	AS7622A		76 X 34.8	0.80
314	AS7623		79.4 X 22	0.90
315	AS7626		35.5 X 25	1.70
316	AS7656		28.4 X 36.8	0.90
317	AS9762		70 X 15	0.62
318	AS9742		21 X 13.8	0.62
319	AS9743A		17 X 6	0.70
320	AS9745A		24.7 X 10	0.52
321	AS9755		39.8 X 18	0.47
322	AS9756		46.2 X 18	0.47
323	AS9759		30.48 X 28	0.45
324	AS4601		44.5 X 50	0.70
325	AS9753		27.55 X 13.66	0.45
326	AS9754		27.55 X 13.85	0.45
327	AS4208		58.3 X 23.75	0.80
328	AS4208A		75.6 X 11.4	0.80
329	AS9841		24.7 X 14.5	0.54
330	AS9842		14 X 12.5	0.52
331	AS3242		19.4 X 16.2	0.60
332	AS3243		33.8 X 17.7	0.60
333	AS7064		32.8 X 16	0.65
334	AS7065		14.8 X 7.2	0.65
336	AS6001		9.5 X 9.5	0.45
337	AS6002		12 X 12	0.48
338	AS6201A		12 X 12	0.42
339	AS6202		19 X 19	0.45
340	AS6203		25 X 25	0.50
342	AS4053		20 X 12	0.36
343	AS6108		25 X 12	0.60
344	SD6101		25 X 25	0.50
345	AS6102		38 X 25	0.51
346	AS7013		76 X 25	0.65
347	AS9865		76 X 38	0.70
348	AS7004		76 X 44	0.90

IG 7
ỆM H
IOM
Đ
319

243	A9745A		24.7 X 10	0.74
244	A9755		39.8 X 18	0.64
245	A9756		46.2 X 18	0.64
246	A9759		30.48 X 28	0.63
247	A4601		44.5 X 50	0.85
248	A9753		27.55 X 13.66	0.64
249	A9754		27.55 X 13.85	0.64
250	A9841		24.7 X 14.5	0.75
251	A9842		14 X 12.5	0.75
252	A3242		19.4 X 16.2	0.85
253	A3243		33.8 X 17.7	0.85
254	A7064		32.8 X 16	0.85
255	A7065		14.8 X 7.2	0.90
256	A6003		12 X 7	-
257	A6001		9.5 X 9.5	-
258	A6002		12 X 12	-
259	A6201A		12 X 12	-
260	A6202		19 X 19	-
261	A6203		25 X 25	-
262	10X20(0.58)		20 X 10	0.61
263	A4053		20 X 12	0.72
264	A6108		25 X 12	0.74
265	A6101		25 X 25	0.74
266	A6102		38 X 25	0.63
267	A7013		76 X 25	0.84
268	A9865		76 X 38	0.84
269	A7004		76 X 44	1.05
270	A1003		100 X 44	1.26
271	AS5051		70 X 31.7	0.65
272	AS5052		70 X 34	0.65
273	AS5053A		71.76 X 22	0.65
274	AS5054		21.9 X 25.4	0.65
275	AS5055		54 X 21.9	0.65
276	AS5056		34.7 X 28.5	0.64
277	AS5057		31.7 X 25.4	0.64
278	AS5058		69.6 X 6	0.65
279	AS5126		31.7 X 21.7	0.70
280	AS7002		70 X 41	0.72
281	AS7005		70 X 49.4	0.70
282	AS7006		70 X 54	0.74
283	AS7051		75 X 25.4	0.73
284	AS7052		50 X 30	0.80
285	AS7053		62 X 35.5	0.77
286	AS7054		100 X 25.4	0.71
287	AS7008		70 X 54	0.65
288	AS7011		76.2 X 49.4	0.65
289	AS7012		76.2 X 37.4	0.65
290	AS7019		76.2 X 37.4	0.65

349	AS1003		100 X 44	1.00
350	M5051		70 X 31.7	0.52
351	M5052		70 X 34	0.48
352	M5053		71.76 X 22	0.57
353	M5054		21.9 X 25.4	0.41
354	M5055		54 X 21.9	0.47
355	M5056		34.7 X 28.5	0.52
356	M5057		31.7 X 25.4	0.48
357	M5058		69.6 X 6	0.55
358	M5126		31.7 X 21.7	0.55
359	M7002		70 X 41	0.62
360	M7005		70 X 49.4	0.60
361	M7006		70 X 54	0.60
362	M7051		75 X 25.4	0.55
363	M7052		50 X 30	0.59
364	M7053		62 X 35.5	0.60
365	M7054		100 X 25.4	0.60
366	M7008		70 X 54	0.54
367	M7011		76.2 X 49.4	0.57
368	M7012		76.2 X 37.4	0.56
369	M7019		76.2 X 37.4	0.58
370	M7109		70 X 35	0.49
371	M1001		101.6 X 69.9	0.80
372	M1002		101.6 X 44.5	0.80
373	M1002A		101.6 X 57.2	0.80
374	M1009		101.6 X 57.2	0.80
375	M1052		100 X 30	0.80
376	M1053		115 X 36.2	0.73
377	M4221		103 X 5.9	0.50
378	M4222		95 X 5	0.58
379	M4223		105.1 X 10	0.45
380	M4332		103.5 X 9.6	0.43
381	M4333		100 X 10	0.47
382	M9762		70 X 15	0.50
383	M9742		21 X 13.8	0.50
384	M9755		39.8 X 18	0.35
385	M9756		46.2 X 18	0.35
386	M9759		30.48 X 28	0.34
387	M4601		44.5 X 50	0.61
388	M9753		27.55 X 13.66	0.34
389	M9754		27.55 X 13.85	0.33
390	M7064		32.8 X 16	0.50
391	M7065		14.8 X 7.2	0.50
392	M6003		12 X 7	0.40
393	10X20(0.33)		20 X 10	0.33
394	M6108		25 X 12	0.35
395	M6101		25 X 25	0.36
396	SN6102		38 X 25	0.41

1-C
Y
HAN
T
DUC

291	AS7109		70 X 35	0.65
292	AS1001		101.6 X 69.9	0.90
293	AS1002		101.6 X 44.5	0.90
294	AS1002A		101.6 X 57.2	0.90
295	AS1009		101.6 X 57.2	0.90
296	AS1052		100 X 30	0.90
297	AS1053		115 X 36.2	1.00
298	AS4221		103 X 5.9	0.60
299	AS4222		95 X 5	0.65
300	AS4223		105.1 X 10	0.65
301	B4332		103.5 X 9.6	0.42
302	AS9913		37.6 X 31.5	0.80
303	AS9914		41 X 18.5	0.90
304	AS9915		42.9 X 36.2	0.80
305	AS9951		70 X 26	0.80
306	AS9952		50.4 X 29	0.66
307	AS9954		25.4 X 35	0.90
308	TD197		31.8 X 33.8	2.60
309	TD192		26 X 31.8	1.30
310	AS2008		30.5 X 29	1.20
311	AS7621		76 X 34.8	0.90

*** NHÓM CÔNG NGHIỆP 6005 - T5**

417	NKPA-01		22.36 X 8.65	8.65
418	NKPA-02		21.4 X 8.99	8.99
419	NKPA-03		29.4 X 3	3.00
420	NKPA-04		39.57 X 14.93	3.89
421	NKPA-05		31.57 X 35.26	3.51
422	NKPA-06		45.88 X 26.74	1.30
423	NKPA-07		35.96 X 54.03	2.06
424	NKPA-08		4.5 X 56.26	3.79
425	NKPA-09		25.21 X 55.34	3.54
426	NKPA-10		49.07 X 68.23	5.40
427	NKPA-11		40.16 X 28.89	2.75
428	NKPA-12		32.51 X 43.94	4.00
429	NKPA-13		39.85 X 44.86	1.80

397	M7013		76 X 25	0.56
398	M6103		25 X 50	0.43
399	25*50(0.5)		25 X 50	0.50
400	25*50(0.55)		25 X 50	0.55
401	25*50(0.6)		25 X 50	0.60
402	25*50(0.65)		25 X 50	0.65
403	25*50(0.7)		25 X 50	0.70
404	25*50(0.8)		25 X 50	0.80
405	25*50(0.85)		25 X 50	0.85
406	25*50(1)		25 X 50	1.00
407	25*50(1.1)		25 X 50	1.10
408	Ø8(0.4)		Ø8(0.4)	0.40
409	Ø12(0.4)		Ø12(0.4)	0.40
410	Ø16(0.48)		Ø16(0.48)	0.48
411	Ø19(0.45)		Ø19(0.45)	0.45
412	Ø22(0.5)		Ø22(0.5)	0.50
413	Ø25(0.44)		Ø25(0.44)	0.44
414	Ø22(0.8)		Ø22(0.8)	0.80
415	Ø22(1.2)		Ø22(1.2)	1.20
416	Ø32(1.5)		Ø32(1.5)	1.50

*** NHÓM CÔNG NGHIỆP 6005 - T5**

430	NKPA-14		36 X 80	5.80
431	NKPA-15		52.21 X 28.31	1.20
432	NKPA-16		36.5 X 22.2	1.60
433	NKPA-17		40 X 34.3	1.20
434	NKPA-18		29 X 20	1.50
435	NKPA-19		38.8 X 31.6	1.50
436	NKPA-20		44 X 14.8	1.80
437	NKPA-21		34 X 39.5	3.80
438	NKPA-22		40 X 12	4.00
439	NKPA-23		51 X 17	3.00
440	NKPA-24		85 X 40	8.00
441	NKPA-25		31.7 X 34.7	5.00



CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU "T&D ALUMINIUM"



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU
Số: 307025



Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TNHH NHÓM TIỀN ĐẠT (VN)
135A/3 khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Số đơn: 4-2015-31669

Ngày nộp đơn: 11/11/2015

Cấp theo Quyết định số: 75468/QĐ-SHTT, ngày: 23/10/2018

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG


VN 4-0307025


Lê Ngọc Lâm

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 307025

Mẫu nhãn hiệu:



Màu sắc nhãn hiệu: Xám, vàng, đen, trắng.

Loại nhãn hiệu: Thông thường

Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "T&D ALUMINIUM".

Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhóm 06: Nhôm; thanh nhôm định hình; lá nhôm; thanh ray bằng nhôm; hộp kim nhôm.

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU "TDA"



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU
Số: 384233

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TNHH NHÓM TIẾN ĐẠT (VN)
135A/3 khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh
Bình Dương

Số đơn: 4-2019-06946

Ngày nộp đơn: 11/03/2019

Cấp theo Quyết định số: 28883/QĐ-SHTT, ngày: 13/04/2021

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

CỤC TRƯỞNG

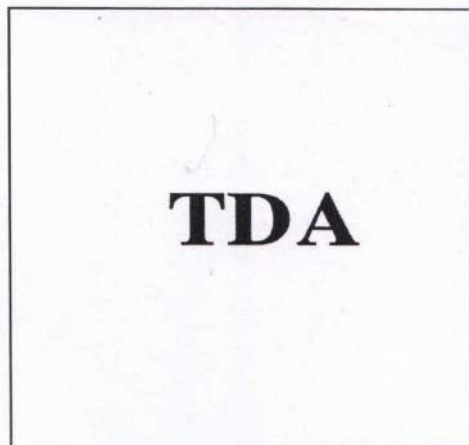

Đinh Hữu Phú

VN 4-0384233



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 384233

Mẫu nhãn hiệu:



Màu sắc nhãn hiệu:

Loại nhãn hiệu: Thông thường

Nội dung khác:

Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhóm 06: Nhôm; thanh nhôm định hình; lá nhôm; thanh ray bằng nhôm; hộp kim nhôm.

**BÁO CÁO THỬ NGHIỆM XTEST: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM
VÀ HỢP KIM NHÔM (6063) - KÝ HIỆU MẪU: TD1**



Số/No: 01 - 061122/TN2-XTHanoi
HD: 1041122/XTHanoi-YC

Trung Tâm Thử Nghiệm VLXD XTEST Hà Nội
/ XTEST Hanoi Building Materials Test Center - LAS XD 1684
Địa chỉ/Addr: No 18, 495/1/30 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Ha Noi
Liên hệ/Contacts: 0869 129 209 / hn@xtest.vn / www.xtest.vn

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM / TEST REPORT

TÍNH CHẤT CƠ LÝ THANH PROFILE

/PHYSICO - MECHANICAL PROPERTIES OF PROFILE

Ha Noi, 06/11/2022

Trang/Page(s): 1/1

Khách hàng/Client: TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: P301, tầng 3, tòa nhà Linh Trang, số 1/12 phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị sản xuất: CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT
/Manufacturer Địa chỉ: 51/2 Bế Văn Đàn, KP. Bình Đường 3, phường An Bình, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Xưởng sx: 51/2 Bế Văn Đàn, KP. Bình Đường 3, phường An Bình, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Yêu cầu/Request: Thử nghiệm chất lượng theo QCVN 16:2019/BXD

Tên mẫu/Sample name: Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm (6063) - Ký hiệu mẫu:TD1

Kiểu loại/Type: TD-XF-C3303 T2.0 Ngày nhận mẫu/Received date: 04/11/2022

Mô tả mẫu/Description: 2 mẫu dài 1 m Ngày thử nghiệm/Tested date: 04/11/22 - 06/11/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULT

STT	Chỉ tiêu /Characteristics	Đơn vị /Units	Kết quả/Results	Yêu cầu/Requests TCVN 12513:2018 6063T5	Phương pháp thử /Test methods
1	Thử kéo/Tensile				
	Giới hạn chảy/Yield strength	Mpa	155.8	≥ 110	TCVN 197-1:2014
	Giới hạn bền/Tensile strength	MPa	198.4	≥ 150	
	Độ giãn dài/Elongation, A50	%	9.1	≥ 8	
2	Phân tích thành phần hóa học /Analysis of chemical composition				
	Si	%	0.3083	0.2 ÷ 0.6	ASTM E1251:2011
	Mg	%	0.6205	0.45 ÷ 0.9	
	Mn	%	0.0039	≤ 0.1	
	Cu	%	0.0145	≤ 0.1	
	Fe	%	0.1185	≤ 0.35	
	Cr	%	0.0067	≤ 0.1	
	Zn	%	0.01	≤ 0.1	
	Ni	%	0.0037	-	
	Ti	%	0.0221	≤ 0.1	
	V	%	0.0171	-	
	Pb	%	0.0014	-	
	Sn	%	0.0001	-	
	Be	%	0.0005	-	
	Zr	%	0.0009	-	
	Al	%	98.7513	-	

THỰC HIỆN
Test by

Lê Đình Tương

TRUNG TÂM XTEST HÀ NỘI
XTEST Hanoi Center
Trưởng phòng TN / Chief of LAB

LAS XD 1684

Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY XTEST HÀ NỘI



Nguyễn Việt Hoàng

BM 17.02-75

Ghi chú/Note: 1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử (Khách hàng mang tới) / The results are only valid for the tested sample(s).
2. Chỉ được sao chép một phần kết quả thử nghiệm (Được sao chép toàn bộ) khi có sự đồng ý bằng văn bản của XTEST Hà Nội / May only be copied a parts of test report (Allow full) only with a written acceptance by XTEST Hanoi.

ISO/IEC 17025:2005
Developed by
XTEST Vietnam

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM XTEST: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM (6061) - KÝ HIỆU MẪU: TD2



Số/No: 02 - 061122/TN2-XTHanoi
HD: 1041122/XTHanoi-YC

Trung Tâm Thử Nghiệm VLXD XTEST Hà Nội
/ XTEST Hanoi Building Materials Test Center - LAS XD 1684
Địa chỉ/Addr: No 15, 495/1/30 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Ha Noi
Liên hệ/Contacts: 0869 129 209 / hn@xtest.vn / www.xtest.vn

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM / TEST REPORT

TÍNH CHẤT CƠ LÝ THANH PROFILE

/PHYSICO - MECHANICAL PROPERTIES OF PROFILE

Ha Noi, 06/11/2022

Trang/Page(s): 1/1

Khách hàng/Client: **TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG**
Địa chỉ: P301, tầng 3, tòa nhà Linh Trang, số 1/12 phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị sản xuất: **CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT**
/Manufacturer Địa chỉ: 51/2 Bế Văn Đàn, KP. Bình Đường 3, phường An Bình, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Xưởng sx: 51/2 Bế Văn Đàn, KP. Bình Đường 3, phường An Bình, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Yêu cầu/Request: Thử nghiệm chất lượng theo QCVN 16:2019/BXD

Tên mẫu/Sample name: **Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm (6061) - Ký hiệu mẫu:TD2**

Kiểu loại/Type: **TD-XF-C3332 T2.0** Ngày nhận mẫu/Received date: **04/11/2022**

Mô tả mẫu/Description: **2 mẫu dài 1 m** Ngày thử nghiệm/Tested date: **04/11/22 - 06/11/2022**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULT

STT	Chỉ tiêu /Characteristics	Đơn vị /Units	Kết quả/Results	Yêu cầu/Requests TCVN 12513:2018 6061T4	Phương pháp thử /Test methods
1	Thử kéo/Tensile				
	Giới hạn chảy/Yield strength	Mpa	168.3	≥ 110	TCVN 197-1:2014
	Giới hạn bền/Tensile strength	MPa	218.7	≥ 175	
	Độ giãn dài/Elongation, A50	%	16.8	≥ 16	
2	Phân tích thành phần hóa học /Analysis of chemical composition				ASTM E1251:2011
	Si	%	0.5154	$0.4 \div 0.8$	
	Mg	%	0.9401	$0.8 \div 1.2$	
	Mn	%	0.0049	≤ 0.15	
	Cu	%	0.2688	$0.15 \div 0.4$	
	Fe	%	0.4141	≤ 0.7	
	Cr	%	0.1748	$0.04 \div 0.35$	
	Zn	%	0.136	≤ 0.25	
	Ni	%	0.0047	-	
	Ti	%	0.0196	≤ 0.15	
	V	%	0.0186	-	
	Pb	%	0.0015	-	
	Sn	%	0.0006	-	
	Be	%	0.0007	-	
	Zr	%	0.0003	-	
	Al	%	97.3944	-	

THỰC HIỆN
Test by

Lê Đình Tương

TRUNG TÂM XTEST HÀ NỘI
XTEST Ha Noi Center
Trưởng phòng TN / Chief of LAB

XTEST
LAS-XD 1684

Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CP XTEST HÀ NỘI

XTEST HÀ NỘI, JSC
Giám đốc / Manager
CÔNG TY CỔ PHẦN
XTEST
HÀ NỘI
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Việt Hoàng

BM 17.02-75

Ghi chú/Note: 1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử (Khách hàng mang tới) / The results are only valid for the tested sample(s).
2. Chỉ được sao chép một phần kết quả thử nghiệm (Được sao chép toàn bộ) khi có sự đồng ý bằng văn bản của XTEST Hà Nội. / May only be copied a parts of test report (Allow full) only with a written acceptance by XTEST Ha Noi.

ISO/IEC 17025:2005
Developed by
XTEST Vietnam

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM XTEST: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM (6005) - KÝ HIỆU MẪU: TD3



Số/No: 03 - 061122/TN2-XTHanoi
HD: 1041122/XTHanoi-YC

Trung Tâm Thử Nghiệm VLXD XTEST Hà Nội
/ XTEST Hanoi Building Materials Test Center - LAS XD 1684
Địa chỉ/Addr: No 18, 495/1/30 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Ha Noi
Liên hệ/Contacts: 0869 129 209 / hn@xtest.vn / www.xtest.vn

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM / TEST REPORT

TÍNH CHẤT CƠ LÝ THANH PROFILE

/PHYSICO - MECHANICAL PROPERTIES OF PROFILE

Hà Nội, 06/11/2022
Trang/Page(s): 1/1

Khách hàng/Client: TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: P301, tầng 3, tòa nhà Linh Trang, số 1/12 phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị sản xuất: CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT
/Manufacturer Địa chỉ: 51/2 Bế Văn Đàn, KP. Bình Đường 3, phường An Bình, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Xưởng sx: 51/2 Bế Văn Đàn, KP. Bình Đường 3, phường An Bình, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Yêu cầu/Request: Thử nghiệm chất lượng theo QCVN 16:2019/BXD

Tên mẫu/Sample name: Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm (6005) - Ký hiệu mẫu:TD3

Kiểu loại/Type: SN6102 Ngày nhận mẫu/Received date: 04/11/2022

Mô tả mẫu/Description: 2 mẫu dài 1 m Ngày thử nghiệm/Tested date: 04/11/22 - 06/11/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULT

STT	Chỉ tiêu /Characteristics	Đơn vị /Units	Kết quả/Results	Yêu cầu/Requests TCVN 12513:2018 6005T5	Phương pháp thử /Test methods
1	Thử kéo/Tensile				
	Giới hạn chảy/Yield strength	Mpa	241.6	≥ 200	TCVN 197-1:2014
	Giới hạn bền/Tensile strength	MPa	271.1	≥ 250	
	Độ giãn dài/Elongation, A50	%	8.4	-	
2	Phân tích thành phần hóa học /Analysis of chemical composition				
	Si	%	0.6809	0.6 ÷ 0.9	ASTM E1251:2011
	Mg	%	0.5445	0.4 ÷ 0.6	
	Mn	%	0.0036	≤ 0.1	
	Cu	%	0.0140	≤ 0.1	
	Fe	%	0.1467	≤ 0.35	
	Cr	%	0.0073	≤ 0.1	
	Zn	%	0.0071	≤ 0.1	
	Ni	%	0.0057	-	
	Ti	%	0.0315	≤ 0.1	
	V	%	0.0112	-	
	Pb	%	0.0015	-	
	Sn	%	0.0004	-	
	Be	%	0.0008	-	
	Zr	%	0.0001	-	
	Al	%	98.4254	-	

THỰC HIỆN
Test by

Lê Đình Tương

TRUNG TÂM XTEST HÀ NỘI
XTEST Hanoi Center
Trưởng phòng TN / Chief of LAB

XTEST

LAS XD 1684

Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CP XTEST HÀ NỘI
XTEST HANOI JSC

Giám đốc / Manager

CÔNG TY CP XTEST HÀ NỘI
CƠ PHÂN XTEST
HÀ NỘI

Nguyễn Việt Hoàng

BM 17.02-75

Ghi chú/Note: 1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử (khách hàng mang tới) / The results are only valid for the tested sample(s).
2. Chỉ được sao chép một phần kết quả thử nghiệm (Được sao chép toàn bộ) khi có sự đồng ý bằng văn bản của XTEST Hà Nội / Only only be copied a parts of test report (Willow full) only with a written acceptance by XTEST Hanoi

ISO/IEC 17025:2005

Developed by

XTEST Vietnam

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM XTEST: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM (6063) - KÝ HIỆU MẪU: TD4



Số/No: 04 - 061122/TN2-XTHanoi
HD: 1041122/XTHanoi-YC

Trung Tâm Thử Nghiệm VLXD XTEST Hà Nội
/ XTEST Hanoi Building Materials Test Center - LAS XD 1684
Địa chỉ/Addr: No 18, 495/1/30 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Ha Noi
Liên hệ/Contacts: 0869 129 209 / hn@xtest.vn / www.xtest.vn

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM / TEST REPORT

TÍNH CHẤT CƠ LÝ THANH PROFILE

/PHYSICO - MECHANICAL PROPERTIES OF PROFILE

Ha Noi, 06/11/2022

Trang/Page(s): 1/1

Khách hàng/Client: TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: P301, tầng 3, tòa nhà Linh Trang, số 1/12 phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị sản xuất: CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT
Địa chỉ: 51/2 Bế Văn Đàn, KP. Bình Đường 3, phường An Bình, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Xưởng sx: 51/2 Bế Văn Đàn, KP. Bình Đường 3, phường An Bình, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Yêu cầu/Request: Thử nghiệm chất lượng theo QCVN 16:2019/BXD

Tên mẫu/Sample name: Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm (6063) - Ký hiệu mẫu: TD4

Kiểu loại/Type: AS7052 Ngày nhận mẫu/Received date: 04/11/2022

Mô tả mẫu/Description: 2 mẫu dài 1 m Ngày thử nghiệm/Tested date: 04/11/22 - 06/11/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULT

STT	Chỉ tiêu /Characteristics	Đơn vị /Units	Kết quả/Results	Yêu cầu/Requests TCVN 12513:2018 6063T5	Phương pháp thử /Test methods
1	Thử kéo/Tensile				
	Giới hạn chảy/Yield strength	Mpa	160.2	≥ 110	TCVN 197-1:2014
	Giới hạn bền/Tensile strength	MPa	202.7	≥ 150	
	Độ giãn dài/Elongation, A50	%	8.8	≥ 8	
2	Phân tích thành phần hóa học /Analysis of chemical composition				ASTM E1251:2011
	Si	%	0.3538	0.2 ÷ 0.6	
	Mg	%	0.6407	0.45 ÷ 0.9	
	Mn	%	0.0066	≤ 0.1	
	Cu	%	0.0145	≤ 0.1	
	Fe	%	0.1323	≤ 0.35	
	Cr	%	0.0084	≤ 0.1	
	Zn	%	0.0073	≤ 0.1	
	Ni	%	0.0042	-	
	Ti	%	0.0322	≤ 0.1	
	V	%	0.0165	-	
	Pb	%	0.0010	-	
	Sn	%	0.0002	-	
	Be	%	0.0001	-	
	Zr	%	0.0003	-	
	Al	%	98.6661	-	

THỰC HIỆN
Test by

Lê Đình Tương

TRUNG TÂM XTEST HÀ NỘI
XTEST Hanoi Center
Trưởng phòng TN / Chief of LAB

LAS-XD 1684

Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CP XTEST HÀ NỘI

XTEST HANOI CO., LTD

Giám đốc/Manager

CÔNG TY CP XTEST HÀ NỘI

XTEST HANOI CO., LTD

Q. THANH XUÂN, TP. HÀ NỘI

HÀ NỘI

Nguyễn Việt Hoàng

BMI 17.02-75

Ghi chú/Note: 1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử (Khách hàng mang tới) / The results are only valid for the tested sample(s).
2. Chỉ được sao chép một phần kết quả thử nghiệm (Được sao chép toàn bộ) khi có sự đồng ý bằng văn bản của XTEST Hà Nội / May only be copied a parts of test report (Allow full) only with a written acceptance by XTEST Ha Noi.

ISO/IEC 17025:2005

Developed by

XTEST Vietnam

	TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: 7 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 7 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 7 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam	
KT3-03701ACK2/4	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	31/10/2022 Page 01/03
1. Tên mẫu: <i>Name of sample</i>	PHÔI 6063 – TDA-XINGFA-C3328 (2.0)	
2. Số lượng mẫu : <i>Quantity</i>	01 (L = 1 m)	
3. Mô tả mẫu : <i>Sample description</i>	Xem hình trang 03/03 <i>See picture on page</i>	
4. Ngày nhận mẫu: <i>Date of receiving</i>	24/10/2022	
5. Ngày thử nghiệm: <i>Date of testing</i>	26/10/2022	
6. Nơi gửi mẫu : <i>Customer</i>	CÔNG TY TNHH NHÔM TIỀN ĐẠT 51/2 Đường Bế Văn Đàn, Khu Phố Bình Đường 3, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương	
7. Điều kiện thử nghiệm: <i>Test condition</i>	- Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 3 mm/min <i>Crosshead speed in tensile test before yielding</i> - Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min <i>Crosshead speed in tensile test after yielding</i>	
8. Phương pháp thử: <i>Test method</i>	TCVN 197-1:2014, ASTM E 1251 - 17	
9. Kết quả thử nghiệm: <i>Test results</i>	Xem trang 02/03...03/03 <i>See pages</i>	
TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.  Phạm Văn Út	TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.  Nguyễn Tấn Tùng	
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product. 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và tq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and tq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.		
Lần sửa đổi: 1	BH15 (04/2020)	M03 – TTTN09



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3023 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Hanoi, Vietnam 7/2017 TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 Trung Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03701ACK2/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/10/2022
Page 02/03

9. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu/ Specification	Kết quả thử nghiệm/ Test result
A. THỬ KÉO / TENSILE TEST	
9.1.Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử mm Dimension of section across specimen	12,6 x 1,888
9.2.Giới hạn chảy/ Yield strength $R_{p0,2}$ MPa	222
9.3.Giới hạn bền kéo/ Tensile strength MPa	242
9.4.Độ giãn dài tương đối sau khi đứt % Elongation after fracture	9,8
B. THÀNH PHẦN HÓA HỌC CHEMICAL COMPOSITION	
9.5.Hàm lượng/ Content % (m/m)	
• Silic/ Silicon (Si)	0,494
• Sắt/ Iron (Fe)	0,207
• Đồng/ Copper (Cu)	0,074
• Mangan/ Manganese (Mn)	0,037
• Magiê/ Magnesium (Mg)	0,503
• Crôm/ Chromium (Cr)	0,046
• Niken/ Nickel (Ni)	0,008
• Kẽm/ Zinc (Zn)	0,049
• Titan/ Titanium (Ti)	0,013
• Beryli/ Beryllium (Be)	< 0,001
• Chì/ Lead (Pb)	0,004
• Thiếc / Tin (Sn)	< 0,001
• Vanadi /Vanadium (V)	0,009
• Zircon / Zirconium (Zr)	0,001
• Nhôm/ Aluminum (Al)	98,55

Ghi chú/ Notice : Chiều dài tính toán ban đầu lo/ Original gage length : 50 mm

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER KỸ THUẬT

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai Z, Dist. 1, HCMC, Vietnam Cat Lai Z, Dist. 5, HCMC, Vietnam

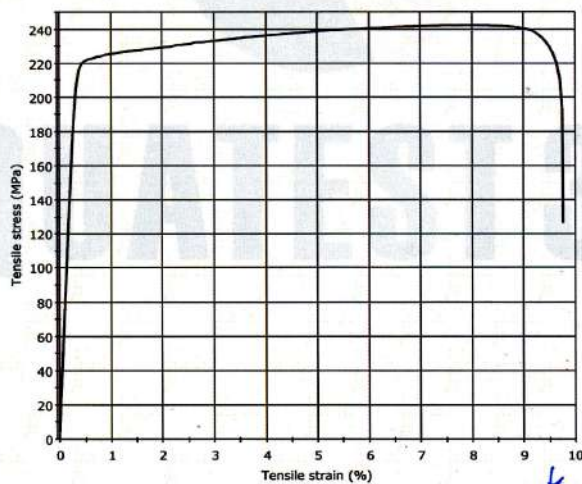
KT3-03701ACK2/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/10/2022
Page 03/03



THU KEO NHOM



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và qa.tv@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and qa.tv@quatest3.com.vn for further information about test report.

Lần sửa đổi: 1

BH15 (04/2020)

M03 - TTTN09

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM QUATEST: PHÔI 6005 - NLMT 01



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
 Testing Complex: 6 No.7, road No.1, Bien Hoa I Z, Dong Nai, Vietnam 6 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03701ACK2/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

31/10/2022
Page 01/03

1. Tên mẫu: **PHÔI 6005 – NLMT 01**
Name of sample
2. Số lượng mẫu : **01 (L = 1 m)**
Quantity
3. Mô tả mẫu : **Xem hình trang 03/03**
Sample description
See picture on page
4. Ngày nhận mẫu: **24/10/2022**
Date of receiving
5. Ngày thử nghiệm: **26/10/2022**
Date of testing
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT**
51/2 Đường Bế Văn Đàn, Khu Phố Bình Đường 3, Phường An Bình,
Thành phố Dĩ An, Bình Dương
Customer
7. Điều kiện thử nghiệm: **- Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 3 mm/min**
Test condition
Crosshead speed in tensile test before yielding
- Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min
Crosshead speed in tensile test after yielding
8. Phương pháp thử: **TCVN 197-1:2014, ASTM E 1251 - 17**
Test method
9. Kết quả thử nghiệm: **Xem trang 02/03...03/03**
Test results
See pages

TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

Phạm Văn Út

Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Lần sửa đổi: 1

BH15 (04/2020)

M03 – TTTN09



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Email: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, Ho Chi Minh City, Vietnam 0 64 Ye. Dong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03701ACK2/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/10/2022

Page 02/03

9. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu/ Specification	Kết quả thử nghiệm/ Test result
A. THỬ KÉO / TENSILE TEST	
9.1.Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử mm <i>Dimension of section across specimen</i>	12,6 x 1,340
9.2.Giới hạn chảy/ Yield strength $R_{p0,2}$ MPa	256
9.3.Giới hạn bền kéo/ Tensile strength MPa	281
9.4.Độ giãn dài tương đối sau khi đứt % <i>Elongation after fracture</i>	8,6
B. THÀNH PHẦN HÓA HỌC CHEMICAL COMPOSITION	
9.5.Hàm lượng/ Content % (m/m)	
• Silic/ Silicon (Si)	0,657
• Sắt/ Iron (Fe)	0,210
• Đồng/ Copper (Cu)	0,216
• Mangan/ Manganese (Mn)	0,079
• Magiê/ Magnesium (Mg)	0,649
• Crôm/ Chromium (Cr)	0,033
• Niken/ Nickel (Ni)	0,008
• Kẽm/ Zinc (Zn)	0,033
• Titan/ Titanium (Ti)	0,021
• Beryli/ Beryllium (Be)	< 0,001
• Chì/ Lead (Pb)	0,004
• Thiếc / Tin (Sn)	0,002
• Vanadi /Vanadium (V)	0,011
• Zirconil/ Zirconium (Zr)	0,001
• Nhôm/ Aluminum (Al)	98,07

Ghi chú/ Notice : Chiều dài tính toán ban đầu lo/ Original gage length : 50 mm

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Lần sửa đổi: 1

BH15 (04/2020)

M03 – TTTN09



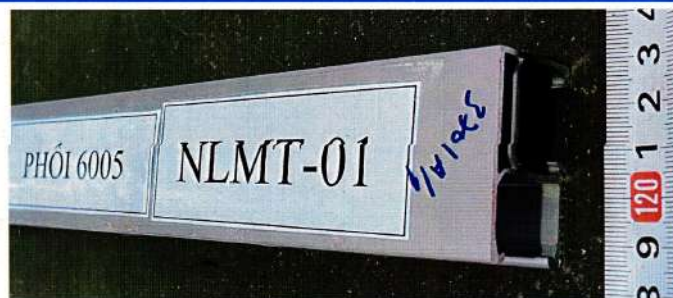
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 Iz, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai Iz, Dist. 2, HCMC & Khu 4, Trung My, Dist. 5, HCMC, Vietnam

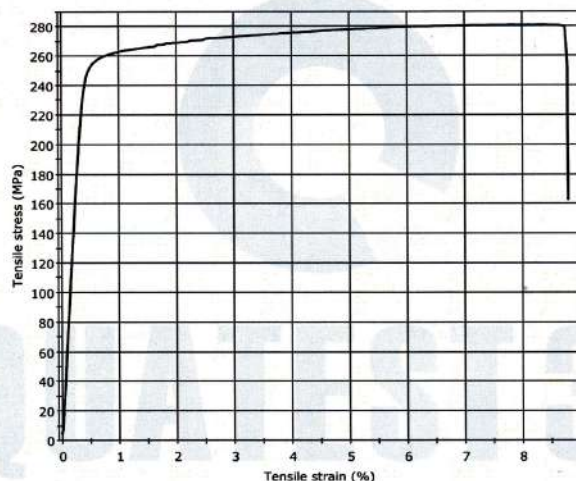
KT3-03701ACK2/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/10/2022
Page 03/03



THU KEO NHOM



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k=2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k=2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Lần sửa đổi: 1

BH15 (04/2020)

M03 – TITN09

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM QUATEST: PHÔI 6063 - AS7052 - HỆ CỬA 700

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: 6 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 6 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam		
KT3-03701ACK2/2	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	31/10/2022 Page 01/03
1. Tên mẫu: PHÔI 6063 – AS7052-HỆ CỬA 700 <i>Name of sample</i>		
2. Số lượng mẫu : 01 (L = 1 m) <i>Quantity</i>		
3. Mô tả mẫu : Xem hình trang 03/03 <i>Sample description</i> See picture on page		
4. Ngày nhận mẫu: 24/10/2022 <i>Date of receiving</i>		
5. Ngày thử nghiệm: 26/10/2022 <i>Date of testing</i>		
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH NHÔM TIỀN ĐẠT <i>Customer</i> 51/2 Đường Bế Văn Đàn, Khu Phố Bình Đường 3, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương		
7. Điều kiện thử nghiệm: - Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 3 mm/min <i>Test condition</i> Crosshead speed in tensile test before yielding - Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min Crosshead speed in tensile test after yielding		
8. Phương pháp thử: TCVN 197-1:2014, ASTM E 1251 - 17 <i>Test method</i>		
9. Kết quả thử nghiệm: Xem trang 02/03...03/03 <i>Test results</i> See pages		
TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.  Phạm Văn Út		TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.  Nguyễn Tấn Tùng
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product. 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.		
Lần sửa đổi: 1	BH15 (04/2020)	M03 – TTTN09



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Email: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 17, Ho Chi Minh City, Vietnam 6411, Trung Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03701ACK2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/10/2022
Page 02/03

9. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu/ Specification	Kết quả thử nghiệm/ Test result
A. THỬ KÉO / TENSILE TEST	
9.1.Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử mm Dimension of section across specimen	12,6 x 1,261
9.2.Giới hạn chảy/ Yield strength $R_{p0,2}$ MPa	185
9.3.Giới hạn bền kéo/ Tensile strength MPa	212
9.4.Độ giãn dài tương đối sau khi đứt % Elongation after fracture	9,0
B. THÀNH PHẦN HÓA HỌC CHEMICAL COMPOSITION	
9.5.Hàm lượng/ Content % (m/m)	
• Silic/ Silicon (Si)	0,478
• Sắt/ Iron (Fe)	0,259
• Đồng/ Copper (Cu)	0,086
• Mangan/ Manganese (Mn)	0,063
• Magiê/ Magnesium (Mg)	0,488
• Crôm/ Chromium (Cr)	0,027
• Niken/ Nickel (Ni)	0,007
• Kẽm/ Zinc (Zn)	0,073
• Titan/ Titanium (Ti)	0,017
• Beryli/ Beryllium (Be)	< 0,001
• Chì/ Lead (Pb)	0,007
• Thiếc / Tin (Sn)	0,002
• Vanadi /Vanadium (V)	0,010
• Zirconil/ Zirconium (Zr)	0,001
• Nhôm/ Aluminum (Al)	98,48

Ghi chú/ Notice : Chiều dài tính toán ban đầu lo/ Original gage length : 50 mm

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tr@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tr@quatest3.com.vn for further information about test report.



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3072 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam 64, Trung Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

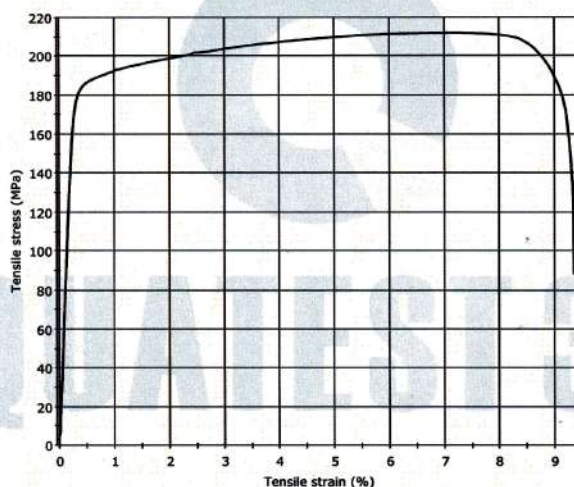
KT3-03701ACK2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/10/2022
Page 03/03



THU KEO NHOM



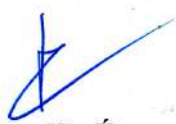
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Lần sửa đổi: 1

BH15 (04/2020)

M03 – TTTN09

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM QUATEST: PHÔI 6061 – GERNIUM – C3332 (2.0)

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: 6 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 Iz, Dong Nai, Vietnam 6 C5 lot, K1 road, Cat Lai Iz, Dist.2, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam		
KT3-03701ACK2/3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	31/10/2022 Page 01/03
1. Tên mẫu: PHÔI 6061 – GERNIUM-C3332 (2.0) <i>Name of sample</i> 2. Số lượng mẫu: 01 (L = 1 m) <i>Quantity</i> 3. Mô tả mẫu: Xem hình trang 03/03 <i>Sample description</i> See picture on page 4. Ngày nhận mẫu: 24/10/2022 <i>Date of receiving</i> 5. Ngày thử nghiệm: 26/10/2022 <i>Date of testing</i> 6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT <i>Customer</i> 51/2 Đường Bế Văn Đàn, Khu Phố Bình Đường 3, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương 7. Điều kiện thử nghiệm: - Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 3 mm/min <i>Test condition</i> Crosshead speed in tensile test before yielding - Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min Crosshead speed in tensile test after yielding 8. Phương pháp thử: TCVN 197-1:2014, ASTM E 1251 - 17 <i>Test method</i> 9. Kết quả thử nghiệm: Xem trang 02/03...03/03 <i>Test results</i> See pages		
TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.  Phạm Văn Út		TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.  Nguyễn Tấn Tùng
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product. 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tr@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tr@quatest3.com.vn for further information about test report.		
Lần sửa đổi: 1	BH15 (04/2020)	M03 – TTTN09



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3011 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 6 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 65 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 5, HCMC, Vietnam 64 lot, Dong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03701ACK2/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/10/2022
Page 02/03

9. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu/ Specification	Kết quả thử nghiệm/ Test result
A. THỬ KÉO / TENSILE TEST	
9.1.Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử Dimension of section across specimen mm	12,6 x 1,888
9.2.Giới hạn chảy/ Yield strength $R_{p0,2}$ MPa	222
9.3.Giới hạn bền kéo/ Tensile strength MPa	242
9.4.Độ giãn dài tương đối sau khi đứt Elongation after fracture %	9,8
B. THÀNH PHẦN HÓA HỌC CHEMICAL COMPOSITION	
9.5.Hàm lượng/ Content % (m/m)	
• Silic/ Silicon (Si)	0,494
• Sắt/ Iron (Fe)	0,207
• Đồng/ Copper (Cu)	0,074
• Mangan/ Manganese (Mn)	0,037
• Magiê/ Magnesium (Mg)	0,503
• Crôm/ Chromium (Cr)	0,046
• Niken/ Nickel (Ni)	0,008
• Kẽm/ Zinc (Zn)	0,049
• Titan/ Titanium (Ti)	0,013
• Beryli/ Beryllium (Be)	< 0,001
• Chì/ Lead (Pb)	0,004
• Thiếc / Tin (Sn)	< 0,001
• Vanadi / Vanadium (V)	0,009
• Zirconil/ Zirconium (Zr)	0,001
• Nhôm/ Aluminum (Al)	98,55

Ghi chú/ Notice : Chiều dài tính toán ban đầu lo/ Original gage length : 50 mm

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Lần sửa đổi: 1

BH15 (04/2020)

M03 - TTTN09



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3018 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam CS lot, K1 road, Cat Lai 1, Dist. 2, HCMC, Vietnam CS Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

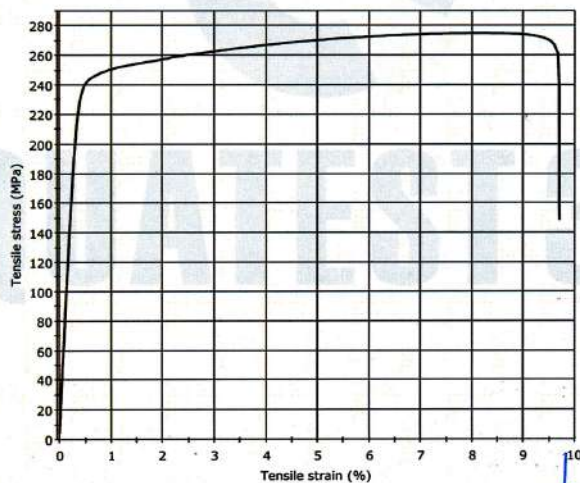
KT3-03701ACK2/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/10/2022
Page 03/03



THU KEO NHOM



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Lần sửa đổi: 1

BH15 (04/2020)

M03 - TTTN09

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM QUATEST: PHÔI 6063 - TD - XF - C3328 (1.4)

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: ❶ No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam ❸ 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam		
KT3-02942ACK3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	11/09/2023 Page 01/03
1. Tên mẫu: <i>Name of sample</i>		
THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM 6063, TD-XF - C3328 - T1.4		
2. Số lượng mẫu : <i>Quantity</i>		
01		
3. Mô tả mẫu : <i>Sample description</i>		
Xem hình trang 03/03 <i>See picture on page</i>		
4. Ngày nhận mẫu: <i>Date of receiving</i>		
31/08/2023		
5. Ngày thử nghiệm: <i>Date of testing</i>		
11/09/2023		
6. Nơi gửi mẫu : <i>Customer</i>		
CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT 51/2 Đường Bế Văn Đàn, Khu Phố Bình Đường 3, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương		
7. Kết quả thử nghiệm: <i>Test results</i>		
Xem trang 02/03...03/03 <i>See pages</i>		
TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.		TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.
 Phạm Văn Út		 Nguyễn Tấn Tùng
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product. 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .		



KT3-02942ACK3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/09/2023
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu Specification	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
<u>A. THỬ KÉO / TENSILE TEST</u>	TCVN 197-1:2014	
7.1. Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử mm <i>Dimension of section across specimen</i>		12,6 x 1,358
7.2. Giới hạn chảy/ Yield strength $R_{p0,2}$ MPa		219
7.3. Giới hạn bền kéo/ Tensile strength MPa		241
7.4. Độ giãn dài tương đối sau khi đứt % <i>Elongation after fracture</i>		11,6
<u>B. THÀNH PHẦN HÓA HỌC</u>	ASTM E 1251 - 17	
<u>CHEMICAL COMPOSITION</u>		
7.5. Hàm lượng/ Content % (m/m)		
• Silic/ Silicon (Si)		0,494
• Sắt/ Iron (Fe)		0,168
• Đồng/ Copper (Cu)		0,028
• Mangan/ Manganese (Mn)		0,039
• Magiê/ Magnesium (Mg)		0,517
• Crôm/ Chromium (Cr)		0,003
• Niken/ Nickel (Ni)		0,006
• Kẽm/ Zinc (Zn)		0,012
• Titan/ Titanium (Ti)		0,011
• Beryli/ Beryllium (Be)		< 0,001
• Chì/ Lead (Pb)		0,002
• Thiếc / Tin (Sn)		0,002
• Vanadi /Vanadium (V)		0,012
• Zircon/ Zirconium (Zr)		0,001
• Nhôm/ Aluminum (Al)		98,70

Ghi chú/ Notice : Chiều dài tính toán ban đầu lo/ Original gage length : 50 mm

1. Các kết quả thử nghiệm gửi trong phôi này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the named submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội dung gửi mẫu / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do một nguồn được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k=2$, at 95% confidence level.
4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật -
Do not reproduce or quote part or full test result without the written permission by the center.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ hd.ch@qatquest3.com.vn và rg.tn@qatquest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Questest 3 at the email addresses hd.ch@qatquest3.com.vn and rg.tn@qatquest3.com.vn for further information about test report.



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 6 No.7, road No.1, Bien Hoa I Z, Dong Nai, Vietnam 6 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02942ACK3

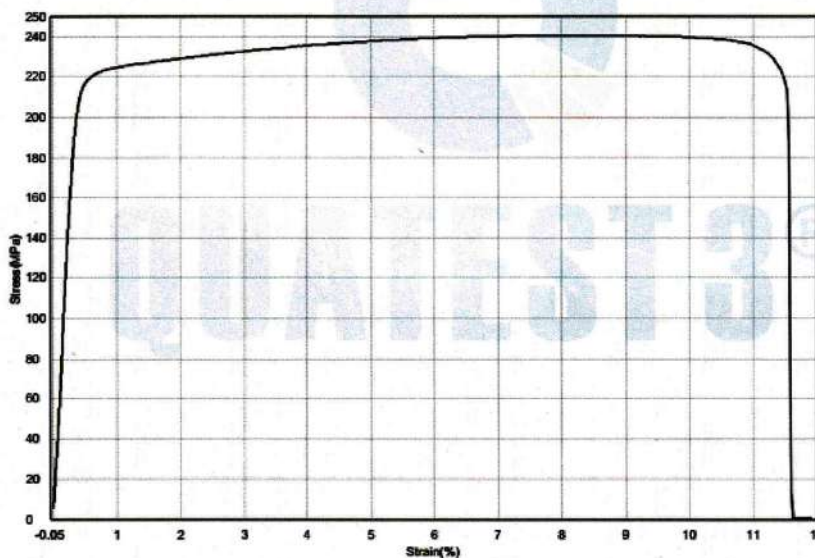
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/09/2023

Page 03/03



THU KEO



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Lần sửa đổi: 1

BH15 (04/2020)

M03 - TTTN09



Certificate of Approval

Tien Dat Aluminium Company Limited

is certified as an Approved Applicator to coat

Jotun Facade

a product from Jotun Powder Coatings

(15 years warranty)

This company fulfils the requirements set by Jotun Powder Coatings for pre-treatment and application of powder coatings. These include having the necessary equipment, process controls and technical knowledge to comply with Jotun Powder Coatings standards.



Approved Number: VN-FA-230023
Issued Date : 01st-07-2023
(Certificate valid for one year from date above)

Authorized Signatory
Luu Thi Phuong Hoang
Sales Director - Powder Coatings
Jotun Paints (Vietnam) Co., Ltd.

CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT – TDA

Nhà Máy Bình Dương - Dĩ An

51/2 Bế Văn Đàn, KP. Bình Đường 3, P. An Bình, TP. Dĩ An,
Bình Dương

Nhà Máy Bình Dương - Đất Cuốc

152 đường ĐH 436, Ấp Suối Sâu, Xã Đất Cuốc, Huyện
Bắc Tân Uyên, Bình Dương

Showroom

324D Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

 info@nhomtiendat.com

 090.147.0959

 028.3729.1230 - 028.3729.5556

 CSKH: 0902.67.22.23

(Ý kiến, phản ánh & khiếu nại)

